TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 14-3-2024
V/v đòi lại tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới;

Ông Đặng Lễ Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023, về đòi lại tài sản (tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Ông Cao Văn Đ ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. Ông Huỳnh Duy K, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Trần Hoàng Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2024.

- *Bị đơn:*

1. Ông Cao Văn P, sinh năm 1973 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (có mặt);

3. Ông Cao Văn N, sinh năm 1997 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2023 (BL 02) và trong quá trình xét xử ông Huỳnh Duy K là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn Đ là nguyên đơn trình bày:

Ông Đ là cha ruột của ông P, còn bà H là con dâu (vợ của ông P), còn ông N là cháu nội của Ông Đ (con của ông P và bà H). Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông P, bà H và ông N phải trả lại cho Ông Đ số tiền là 442.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì số tiền này là do Ông Đ bán đất mà có được và giao cho ông P, bà H và ông N cất giữ dùm.

Ông Đ chuyển nhượng đất thửa 1830 tờ bản đồ số 5, diện tích là 5.029,4m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đất này cấp cho hộ của Ông Đ vào ngày 10/3/2010. Lần thứ nhất vào ngày 22/3/2022 Ông Đ chuyển nhượng một phần của thửa đất này diện tích 1.750m^2 cho ông Nguyễn Hữu T với giá 236.250.000 đồng, ông Truyền đã giao tiền cho Ông Đ xong. Ông Đ đã xây nhà mồ cho vợ ông và số tiền còn lại đã chi xài hết, trong đó có chữa bệnh cho Ông Đ (phần này Ông Đ không tranh chấp). Đến ngày 02/3/2023 Ông Đ tiếp tục chuyển nhượng hết phần còn lại của thửa đất 1830 này cho bà Cao Thị Kim H (là mẹ của Nguyễn Hữu T) với số tiền là 442.600.000 đồng. Tất cả hai lần chuyển nhượng đất này đều có làm giấy tay. Hiện nay phần đất bán này do ông T và bà H đang quản lý và sử dụng nhưng chưa được sang tên cho ông T và bà H. Lúc bán đất hai lần thì ông P và bà H không có ở nhà.

Ông N trực tiếp nhận từ bà Hên, nhận tại nhà của ông N. Lúc giao tiền thì có mặt Ông Đ, ông N, bà Cao Thị Đ, ông T và bà H. Do ông tin tưởng cháu nội nên ông giao cho Nhớ đếm tiền dùm và cất dùm ông vì lúc đó ông ở chung nhà với ông P và Nhớ. Hiện nay số tiền 442.000.000 đồng này do ông N đang giữ chứ ông P và bà H không có giữ. Nhưng do ông P và bà H không cho ông N trả lại tiền nên Ông Đ khởi kiện cả 03 người là ông P, bà H và ông N. Lúc Ông Đ giao tiền cho ông N cất giữ dùm thì không có làm giấy tờ gì hết lúc đó thì chỉ có Ông Đ, bà Đ với vợ chồng ông N (không tranh chấp gì với vợ ông N). Trước đây ông khai giữa Ông Đ với bà Đ không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng tại phiên tòa hôm nay ông thay đổi lời khai là ông nghe Ông Đ nói giữa Ông Đ với bà Đ có mâu thuẫn với nhau nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Ông và Ông Đ không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh thêm vấn đề gì. Hiện nay Ông Đ đang bị bệnh và ở ngoài nhà mồ chứ không có ở chung với nhà của ai.

Tại phiên tòa hôm nay ông đại diện theo ủy quyền của Ông Đ rút lại phần yêu cầu khởi kiện với ông P và bà H. Tức là Ông Đ chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông N phải có trách nhiệm trả lại số tiền 442.000.000 đồng cho Ông Đ, bởi vì hiện nay ông N đang giữ số tiền này mà ông P và bà H không có giữ.

- Ông Cao Văn P và bà Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày:

Ông, bà là con ruột và con dâu của Ông Đ, còn Nhớ là con ruột của ông, bà, là cháu nội của Ông Đ. Ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ông Đ là yêu cầu ông, bà và Nhớ phải trả lại cho Ông Đ số tiền là 442.000.000 đồng vì ông, bà không có giữ số tiền này, mà hiện nay con của ông, bà là Nhớ đang giữ. Theo ông, bà biết số tiền 442.000.000 đồng này do Ông Đ bán đất mà có được, lần thứ nhất bán cho ông Nguyễn Hữu T (có giấy bán tay) lần thứ hai bán cho bà Cao Kim Hên (có giấy tay), cả hai lần bán này ông, bà đều không biết vào ngày tháng năm nào. Hiện nay phần đất bán này đã do người mua sử dụng nhưng chưa được đứng tên quyền sử dụng đất mà hiện nay hộ Ông Đ vẫn còn đứng tên, vì ông P không đồng ý ký tên nên chưa sang tên cho bên mua được.

Lý do Nhớ được giữ số tiền 442.000.000 đồng là do Ông Đ kêu Nhớ bán đất được thì Ông Đ cho luôn Nhớ (vì Ông Đ kêu bán đất không ai mua nữa). Sau khi Ông Đ cùng Nhớ và bà Cao Thị Đ bán được đất thì Ông Đ giao luôn số tiền 442.000.000 đồng cho Nhớ giữ cho đến nay ông, bà không có nhận số tiền này. Ông, bà không biết Ông Đ giao 442.000.000 đồng này cho ông N vào ngày tháng năm nào vì ông, bà không có ở nhà.

Thửa đất mà Ông Đ và ông N bán cho ông Nguyễn Hữu T và bà Cao Kim Hên (Truyền là con của bà Hên) là thửa đất số 1830 tờ bản đồ số 5, diện tích là 5.029,4m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đất này cấp cho hộ của ông Cao Văn Đ vào ngày 08/3/2010. Theo ông, bà tại thời điểm vào ngày 08/3/2010 thì hộ Ông Đ gồm có Ông Đ, bà Nguyễn Thị Chanh (vợ của Ông Đ, đã chết vào năm 2021), gia đình ông, bà gồm: Phước, Hằng, Nhớ và Cao Thị Phương Thảo và bà Cao Thị Đ là em ruột của Phước. Trước khi Ông Đ khởi kiện ra Tòa thì sự việc đã được ban nhân dân ấp A, xã A hòa giải nhưng không thành. Nay ông, bà không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì mới và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh vấn đề gì. Hiện nay Ông Đ đang bị bệnh và ở ngoài nhà mồ chứ không có ở chung với nhà của ai.

Tại phiên tòa hôm nay ông Khang đại diện theo ủy quyền của Ông Đ rút lại phần yêu cầu khởi kiện với ông P và bà H. Tức là Ông Đ chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông N phải có trách nhiệm trả lại số tiền 442.000.000 đồng cho Ông Đ thì ông P và bà H không có ý kiến.

- Ông Cao Văn N là bị đơn trình bày:

Ông là con ruột của ông P và bà H, còn Ông Đ là ông nội của ông. Ông thừa nhận ông đang giữ số tiền 442.000.000 đồng đang tranh chấp với Ông Đ nhưng không đồng ý trả cho Ông Đ vì số tiền này Ông Đ đã cho luôn ông chứ không có giao cho ông cất, giữ dùm. Cha mẹ ông là ông P và bà H không có giữ số tiền này.

Nguồn gốc có số tiền 442.000.000 đồng này là do Ông Đ giao cho ông toàn quyền bán (bán lần thứ hai) thửa đất 1830 tờ bản đồ số 5, diện tích là 5.029,4m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đất này cấp cho hộ của Ông Đ vào ngày 08/3/2010 (lúc đó ông chỉ mới 13 tuổi). Lần thứ hai này bán cho bà Cao Kim Hên (có giấy tay) không N vào ngày tháng nào của năm 2023. Hiện nay phần đất bán này đã do người mua sử dụng nhưng chưa được đứng tên quyền sử dụng đất mà hiện nay hộ Ông Đ vẫn còn đứng tên, vì cha ông là Phước không đồng ý ký tên

nên chưa sang tên cho bên mua được. Lần thứ nhất thì Ông Đ đã bán một phần của thửa đất 1830 này cho ông Nguyễn Hữu T (con bà Hên với số tiền 236.250.000 đồng, Ông Đ đã tiêu xài hết). Lý do Ông Đ kêu ông bán đất là do lúc đó Ông Đ ở chung nhà với cha mẹ ông và ông nên Ông Đ mới kêu ông bán đất của hộ Ông Đ vì Ông Đ không kêu ai bán được nữa.

Tiền bán đất lần thứ hai do ông T và bà H trực tiếp giao cho ông N nhận 442.000.000 đồng. Lúc đó có Ông Đ, ông, cô Út của ông tên Cao Thị Đ và ông Truyền với mẹ của ông là bà Hên. Nay ông không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì mới và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh vấn đề gì. Hiện nay Ông Đ đang bị bệnh và ở ngoài nhà mồ chứ không có ở chung với nhà của ai.

- Bà Cao Thị Đ là người làm chứng có lời khai:

Bà là con ruột của Ông Đ, em ruột của ông P, bà H là chị dâu của bà (vợ ông P) còn Nhớ kêu bà là cô út. Giữa bà với những người này không có mâu thuẫn gì hết mà chỉ ít tới lui thôi. Bà biết số tiền 442.000.000 đồng là Ông Đ cho luôn ông N chứ không phải Ông Đ giao cho ông N cất giữ dùm. Bà biết số tiền này do Ông Đ chuyển nhượng đất cho bà Cao Thị Kim H mà có được vào ngày 02/3/2023 thửa đất 1830 tờ bản đồ số 5, diện tích là 5.029,4m^2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đất này cấp cho hộ của Ông Đ vào ngày 10/3/2010. Lúc giao tiền thì có mặt bà Hên, ông Truyền là người mua đất, Ông Đ, bà và Nhớ và đứa cháu dâu là vợ của Nhớ (không biết tên) đi tới đi lui trong nhà, lúc giao tiền thì không có ông P và bà H, Nhớ trực tiếp đếm tiền.

Theo bà lý do Ông Đ cho số tiền 442.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng đất này cho ông N là do thửa đất 1830 này trước đây Ông Đ đã bán một phần cho ông Nguyễn Hữu T (con bà Hên) và Ông Đ đã tiêu xài hết nhưng chưa sang tên tách thửa đất cho ông Truyền nên đến lần bán đất sau này (bán cho bà Hên) thì Ông Đ không kêu bán được nữa nên Ông Đ mới giao toàn quyền bán đất cho ông N bán và cho luôn số tiền bán đất cho ông N vì lúc đó Ông Đ đang ở chung với gia đình ông P trong đó có ông N.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Duy K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Cao Văn Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với ông Cao Văn P và bà Nguyễn Thị H, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự và người đại diện từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông N có nghĩa vụ trả lại cho Ông Đ số tiền là 172.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi

kiện của Ông Đ đối với ông P và bà H. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, miễn án phí cho Ông Đ do Ông Đ là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Khang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P và bà H. Tức là Ông Đ chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông N phải có trách nhiệm trả lại cho Ông Đ số tiền 442.000.000 đồng mà không yêu cầu ông P và bà H cùng trả với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Khang rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đ đối với ông P và bà H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Các đương sự và người đại diện của đương sự thừa nhận hiện nay số tiền đang tranh chấp là 442.000.000 đồng hiện nay do ông N đang giữ nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông P, bà H và ông N phải trả lại số tiền 442.000.000 đồng là số tiền mà Ông Đ bán đất có được và giao cho ông P, bà H và ông N cất giữ dùm. Ông P, bà H và ông N không đồng ý trả lại cho Ông Đ vì ông P và bà H không có giữ số tiền này, còn ông N thừa nhận đang giữ số tiền 442.000.000 đồng này nhưng không phải Ông Đ giao cho ông cất giữ dùm mà Ông Đ đã cho luôn ông N số tiền 442.000.000 đồng này.

Vấn đề này thấy rằng, việc Ông Đ cho rằng ông có giao cho ông P, bà H và ông N cất giữ dùm số tiền 442.000.000 đồng là không có căn cứ.

Bởi vì, đối với việc Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông P và bà H: Theo lời khai của Ông Đ và người đại diện của ông đều thừa nhận ông P và bà H không có giữ số tiền 442.000.000 đồng vì lúc bán đất ông P và bà H không có ở nhà nên không có nhận tiền mà hiện nay ông N đang giữ tiền. Tuy nhiên, do ông P và bà H không cho ông N trả lại tiền cho Ông Đ nên Ông Đ mới khởi kiện luôn ông P và bà H. Vì vậy yêu cầu của Ông Đ với ông P và bà H là không có căn cứ. Tại phiên tòa hôm

nay ông Khang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P và bà H.

Đối với việc Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông N: Hội đồng xét xử xét thấy việc ông N cho rằng Ông Đ cho luôn ông N số tiền bán đất là 442.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, theo lời khai của bà Cao Thị Đ thì bà Đ biết rõ là do Ông Đ không kêu ai bán đất được nữa nên Ông Đ mới giao toàn quyền bán đất cho ông N và cho luôn tiền bán đất cho ông N. Bà Đ là con ruột của Ông Đ, bà Đ và Ông Đ không có mâu thuẫn gì với nhau nên lời khai của bà Đ là khách quan, có căn cứ. Lời khai của ông Khang trước đây ông khai giữa Ông Đ với bà Đ không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng tại phiên tòa hôm nay ông thay đổi lời khai là ông nghe Ông Đ nói giữa Ông Đ với bà Đ có mâu thuẫn với nhau nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Xét thấy lời khai của ông Khang là mâu thuẫn với nhau nên không có căn cứ. Ngoài ra, Tòa án đã yêu cầu Ông Đ và những người đại diện theo ủy quyền của ông cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ông Đ *(giao cho ông P, bà H và ông N cất giữ dùm số tiền bán đất là 442.000.000 đồng)* nhưng Ông Đ và những người đại diện theo ủy quyền của ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, khẳng định rằng việc Ông Đ cho rằng ông giao cho ông P, bà H và ông N cất giữ dùm số tiền bán đất là 442.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù Ông Đ đã cho luôn ông N số tiền bán đất là 442.000.000 đồng như đã nhận định ở trên. Nhưng hiện nay Ông Đ đang bị bệnh (lao phổi) và đang sinh sống ở ngoài nhà mồ mà không có ai chăm sóc nên cần buộc ông N trả lại cho Ông Đ một số tiền trong số tiền Ông Đ đã cho ông N là 442.000.000 đồng để Ông Đ trang trải cuộc sống. Bởi vì ông N thừa nhận ông không có công sức gì đối với thửa đất đã bán là 1830 vì tại thời điểm cấp giấy vào ngày 10/3/2010 thì ông N còn nhỏ chỉ mới 13 tuổi. Tại Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp A, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/8/2023 thì ông N thừa nhận ông N đang giữ số tiền 442.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho Ông Đ số tiền 172.000.000 đồng, số tiền còn lại thì ông N được hưởng. Vì vậy, cần buộc ông N có nghĩa vụ trả lại cho Ông Đ số tiền là 172.000.000 đồng là phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội. Ông Đ không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đ nên cần buộc ông N phải chịu án phí đối với phần Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ông Đ. Đối với phần Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đ thì Ông Đ được miễn án phí do Ông Đ là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 235; Điều 244 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 166, 357, 457 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Đ.

Buộc ông Cao Văn N có trách nhiệm trả lại cho ông Cao Văn Đ số tiền là 172.000.000 *(một trăm bảy mươi hai triệu)* đồng, Ông Đ không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Đ đối với ông Cao Văn P và bà Nguyễn Thị H.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Đ về việc Ông Đ yêu cầu ông Cao Văn N phải trả lại số tiền 270.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Văn N phải chịu án phí số tiền là 8.600.000 đồng. Ông Cao Văn Đ được miễn án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chí Điền